

Số: 2496 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 10 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao nhà, đất cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà
địa phương quản lý, khai thác**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dữ trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác;

Căn cứ Quyết định số 4355/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc chuyển giao các cơ sở nhà, đất của Kho Bạc Nhà nước khu vực XI về UBND tỉnh Nghệ An quản lý, xử lý;

Căn cứ Quyết định số 4369/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc chuyển giao các cơ sở nhà, đất của Thuế tỉnh Nghệ An về UBND tỉnh Nghệ An quản lý, xử lý;

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-VKSTC ngày 31/12/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao về việc chuyển giao các cơ sở nhà, đất của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An về địa phương quản lý, xử lý;

Căn cứ Quyết định số 5980/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc chuyển giao cơ sở nhà, đất của Đài Khí tượng thủy văn Trung Bộ về địa phương quản lý, xử lý;



Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TANDTC ngày 07/4/2026 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc chuyển giao tài sản công là nhà, đất về địa phương quản lý, xử lý;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 4695/STC-QLG&CS ngày 05/6/2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao tài sản công là 19 cơ sở nhà, đất cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các xã, phường trên địa bàn tỉnh Nghệ An (là tổ chức quản lý, kinh doanh nhà được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất) để quản lý, khai thác theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP. Cụ thể:

- Tên tổ chức quản lý, kinh doanh nhà được giao nhà, đất để quản lý, khai thác: Danh mục đơn vị tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- Danh mục nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà để quản lý, khai thác theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP: Danh mục tài sản tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- Mục đích quản lý, khai thác: Tạm quản lý trong thời gian chờ thực hiện xử lý nhà, đất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính, UBND các xã, phường và các tổ chức quản lý, kinh doanh nhà được giao nhà, đất để quản lý, khai thác có tên tại Phụ lục kèm theo Quyết định này tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản và các hồ sơ có liên quan đến tài sản giao theo đúng quy định; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản nhà, đất được lập thành Biên bản theo Mẫu số 02/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

2. Sau khi hoàn thành việc bàn giao, tiếp nhận tài sản, các tổ chức quản lý, kinh doanh nhà được giao nhà, đất để quản lý, khai thác tại Phụ lục kèm theo Quyết định này thực hiện:

a) Lập hồ sơ, quản lý, lưu trữ hồ sơ nhà, đất, hạch toán sổ sách kế toán để theo dõi tài sản theo đúng quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP.

b) Khẩn trương lập kế hoạch quản lý, khai thác nhà đất theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP báo cáo UBND cấp xã phê duyệt để quản lý, khai thác nhà, đất đảm bảo hiệu quả, giải quyết nhu cầu về nhà, đất phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

c) Thực hiện trách nhiệm của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà quy định tại Điều 28 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 286/2025/NĐ-CP).

Trường hợp nhà, đất cần phải thay đổi giữa các mục đích quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP thì các tổ chức quản lý, kinh

doanh nhà được giao nhà, đất để quản lý, khai thác tại Phụ lục đính kèm Quyết định này có trách nhiệm báo cáo UBND cấp xã để điều chỉnh trong Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất; không phải điều chỉnh hoặc ban hành mới Quyết định giao nhà, đất cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà.

3. Giao UBND các xã, phường có nhà, đất được giao quản lý, khai thác tại Phụ lục kèm theo Quyết định này thực hiện chức năng quản lý nhà nước, chế độ báo cáo định kỳ đối với các cơ sở nhà, đất được giao theo đúng quy định. Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, xử lý vi phạm (nếu có) để bảo đảm thực hiện đầy đủ quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 286/2025/NĐ-CP) và pháp luật có liên quan, không để thất thoát, lãng phí nhà, đất thuộc phạm vi quản lý.

4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi các đơn vị thực hiện quản lý, khai thác các cơ sở nhà, đất nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu báo cáo, đề xuất; đảm bảo việc sắp xếp, xử lý tài sản công đúng quy định, hiệu quả, không lãng phí.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch UBND các xã, phường và Giám đốc các tổ chức quản lý, kinh doanh nhà được giao nhà, đất để quản lý, khai thác có tên tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT (PP, T).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An

PHU LUC:

DANH MỤC TÀI SẢN CÔNG GIAO CHO ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC CÁC XÃ, PHƯỜNG ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ QUẢN LÝ, KHAI THÁC NHÀ, ĐẤT ĐỂ QUẢN LÝ, KHAI THÁC THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2024/NĐ-CP NGÀY 23/4/2024 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số: 2496 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Nghệ An)

STT	Danh mục tài sản giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà để quản lý, khai thác	Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Số Lượng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Giá trị theo sổ sách kế toán (đồng)		Tổ chức quản lý, kinh doanh nhà được giao nhà, đất để quản lý, khai thác	Ghi chú
							Nguyên giá	Giá trị còn lại đến 31/12/2025		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc cũ (Địa chỉ: Xã Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An)						7.637.200.000	5.392.200.000	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nghi Lộc	
1.1	Đất	Khuôn viên	1990	1	1.834,2		5.392.200.000	5.392.200.000		
1.2	Nhà									
*	Nhà làm việc (02 tầng)	Nhà	1991	1		240,0	1.464.716.000,0			
*	Nhà lưu trú công vụ (01 tầng)	Nhà	1991	1		100,0	705.000.000,0			
*	Nhà bảo vệ	Nhà	1991	1		10,0	51.450.000,0			
*	Nhà xe 2 bánh	Nhà	1991	1		23,0	23.834.000,0			
2	Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương cũ , xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An								Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Tương Dương	
2.1	Đất	Khuôn viên	1993	1	793,0	667,5	1.688.600.000	1.688.600.000		
2.2	Nhà									
*	Nhà làm việc (02 tầng)	Nhà	1994	1	259,0	519,0	383.357.000	47.757.000		
*	Nhà lưu trú công vụ (01 tầng)	Nhà	2009	1	100,0	100,0	671.893.000	178.972.000		
*	Nhà bảo vệ	Nhà	2009	1		10,5	58.416.000	15.560.000		
*	Nhà xe ô tô	Nhà	2014	1		18,0	80.000.000	15.975.000		
*	Nhà xe 2 bánh	Nhà	2009	1		20,0	12.313.000	3.280.000		
2.3	Tài sản khác									
*	Cổng, tường rào	m	2015	1		110,0	493.020.000	0		
*	Sân đường, bể nước	m	2015	1		455,0	70.993.000	0		
3	Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp (cũ), xã Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An								Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Quỳnh Hợp	
3.1	Đất	Khuôn viên	1980	1	1.274,3		777.448.000	777.448.000		
3.2	Nhà									
*	Nhà làm việc (02 tầng)	Nhà	1980	1		616,0	1.124.347.000	0		
*	Nhà lưu trú công vụ (01 tầng)	Nhà	2009	1		100,0	741.354.000	147.117.000		
*	Nhà bảo vệ	Nhà	2009	1		11,0	62.816.000	0		
*	Nhà xe 2 bánh	Nhà	2009	1		20,0	21.077.000	0		
3.3	Tài sản khác									
*	Cổng, hàng rào	Cái	2009	1			77.846.000	0		
4	Trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Hợp (cũ). Địa chỉ: xóm Bắc Hồ, xã Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An								Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Quỳnh Hợp	
4.1	Đất	Khuôn viên	1995	1	1.784,0		1.427.200.000	1.427.200.000		
4.2	Nhà									
*	Nhà làm việc 3 tầng	Nhà	1995	1		1.150,0	4.136.000.000	1.959.840.000		
*	Nhà làm việc cấp 4	Nhà	1995	1		240,0	500.000.000	80.000.000		

[illegible]

STT	Danh mục tài sản giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà để quản lý, khai thác	Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Số Lượng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Giá trị theo sổ sách kế toán (đồng)		Tổ chức quản lý, kinh doanh nhà được giao nhà, đất để quản lý, khai thác	Ghi chú
							Nguyên giá	Giá trị còn lại đến 31/12/2025		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
*	CT tuyến cọc	CT		1			14.820.000	0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Châu	
*	CT cáp treo thuyền	CT		1			90.846.000	0		
9	Tòa án nhân dân khu vực 10 (Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu cũ), địa chỉ Thôn 3, xã Quỳnh Châu									
9.1	Đất	Khuôn viên	1997	1	749,9		1.124.850.000	1.124.850.000		Theo hiện trạng BDDC là 764,1m ²
9.2	Nhà									
*	Nhà làm việc 03 tầng	Nhà	1997	1		740,0	1.363.457.416	418.037.000		Theo số liệu thực tế là 645,0 m ²
*	Nhà làm việc cấp 4	Nhà	1997	1		72,0	220.000.000	60.000.000		
9.3	Tài sản khác									
*	Tường rào (xây gạch nung gắn sen hoa sắt)	Cái	1997	1		103,0	40.000.000	20.000.000		
*	Cổng ra vào mặt trước bằng sắt, mặt sau bằng khung sắt và lưới đóng mở quay	Cái	1997	1		8,6	20.000.000	1.000.000		
10	Tòa Án nhân dân huyện Quỳnh Lưu (cũ), Xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An								Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Quỳnh Lưu	
10.1	Đất	Khuôn viên	1998	1	1.575,0		12.600.000.000	12.600.000.000		
10.2	Nhà									
*	Nhà làm việc 1	Nhà	1994	1		320,0	324.155.000	0		
*	Nhà làm việc 2 (Hội trường xử)	Nhà	2004	1		420,0	1.606.270.535	192.752.465		
*	Nhà làm việc 3 (Nhà tiếp dân)	Nhà	2016	1		25,5	340.000.000	113.220.000		
*	Nhà làm việc 4 (Kho)	Nhà	2010	1		127,0	755.900.000	0		
*	Nhà bảo vệ	Nhà	2007	1		30,8	83.601.000	0		
11	Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu (cũ), Xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An								Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Quỳnh Lưu	
11.1	Đất	Khuôn viên	1986		1.799,0		6.000.000.000	6.000.000.000		
11.2	Nhà									
*	Nhà làm việc (03 tầng)	Nhà	1986			695,0	760.598.000	0		
*	Nhà lưu trú công vụ (01 tầng)	Nhà	1986			169,0	270.000.000	0		
12	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu (cũ), xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An								Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Quỳnh Lưu	
12.1	Đất	Khuôn viên	2007		795,0		9.093.000.000	9.093.000.000		
12.2	Nhà	Nhà	2007			354,0	1.266.315.000	354.568.200		
13	Kho bạc nhà nước huyện Quỳnh Lưu (cũ), khối 1 xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An									
13.1	Đất	Khuôn viên			1.115,0		13.380.000.000	13.380.000.000		

STT	Danh mục tài sản giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà để quản lý, khai thác	Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Số Lượng	Diện tích đất (m²)	Diện tích sàn xây dựng (m²)	Giá trị theo sổ sách kế toán (đồng)		Tổ chức quản lý, kinh doanh nhà được giao nhà, đất để quản lý, khai thác	Ghi chú
							Nguyên giá	Giá trị còn lại đến 31/12/2025		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
13.2	Nhà								Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Quỳnh Lưu	
*	Nhà làm việc	Nhà				770,0	8.504.027.539	3.396.297.164		
*	Nhà phụ trợ	Nhà	2016			317,0	2.518.255.114	1.006.546.568		
*	Nhà bảo vệ	Nhà	2016			10,0	107.280.160	42.879.877		
13.3	Tài sản khác									
*	Hệ thống điện chiếu sáng	HT	2016	1			218.573.504	21.857.352		
*	Tường rào	Cái	2016	1			485.395.098	48.539.508		
*	Hệ thống thoát nước	HT	2016	1			145.048.534	14.504.855		
*	Ga ra khách hàng	Cái	2016	1			51.430.435	5.143.039		
*	Nhà để máy phát điện	Cái	2016	1			238.134.848	23.813.483		
*	Sân đường nội bộ	Cái	2016	1			280.550.760	154.302.918		
*	Ga ra xe nội bộ	Cái	2016	1			27.877.163	2.787.717		
*	Kè đá	Cái	2016	1			94.937.910	9.493.791		
*	Bể nước	Cái	2016	1			103.688.165	57.028.491		
*	Cửa kho tiền	Cái	2016	1			65.230.000	0		
*	Bục để tượng Bác Hồ	Cái	2016	1			12.000.000	0		
*	Mạng vi tính, điện thoại	Cái	2016	1			171.528.000	0		
*	Máy bơm nước PCCC	Cái	2022	1			20.000.000	12.500.000		
*	Hệ thống camera giám sát	HT	2021	1			90.000.000	22.500.000		
*	Hệ thống báo động báo cháy	HT	2016	1			252.200.000	0		
*	Bảng điện tử Full Color (Màn hình Led)	Cái	2024	1			34.400.000	27.520.000	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Quỳnh Lưu	
*	Quầy giao dịch	Cái	2016	1			176.985.000	0		
*	Hệ thống ri đô, phòng hội trường	HT	2016	1			55.742.000	0		
*	Bục nói chuyện	Cái	2016	1			10.000.000	0		
*	Tượng Bác Hồ bằng đồng	Cái	2016	1			27.539.309	0		
*	Máy điều hòa tủ panasonic 45000BTU	Cái	2016	1			59.872.400	0		
*	Máy điều hòa tủ panasonic 45000BTU	Cái	2016	1			59.872.400	0		
*	Máy điều hòa Panasonic 18000BTU	Cái	2016	1			21.272.466	0		
*	Máy điều hòa Panasonic 18000BTU	Cái	2016	1			21.272.466	0		
*	Máy điều hòa Panasonic 18000BTU	Cái	2016	1			21.272.470	0		
*	Máy điều hòa Panasonic 18000BTU	Cái	2016	1			21.272.466	0		
*	Máy điều hòa Panasonic 18000BTU	Cái	2016	1			21.272.466	0		
*	Máy điều hòa Panasonic 18000BTU	Cái	2016	1			21.272.466	0		
*	Máy điều hòa Panasonic 18000 BTU	Cái	2019	1			21.530.000	5.382.500		
*	Máy điều hòa Panasonic 18000 BTU	Cái	2019	1			21.530.000	5.382.500		
*	Máy điều hòa 18000BTU	Cái	2013	1			15.126.600	0		
*	Máy điều hòa panasonic	Cái	2016	1			26.572.400	0		
*	Bộ bàn ghế phòng họp	Cái	2016	1			216.000.000	0		
*	Máy phát điện CaPo 30KVA	Cái	2013	1			271.253.400	0		
*	Máy bơm nước HVS	Cái	2013	1			16.000.000	0		
*	Biển meeka Đảng Cộng sản Việt Nam	Cái	2016	1			1.930.500	0		

STT	Danh mục tài sản giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà để quản lý, khai thác	Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Số Lượng	Diện tích đất (m²)	Diện tích sàn xây dựng (m²)	Giá trị theo sổ sách kế toán (đồng)		Tổ chức quản lý, kinh doanh nhà được giao nhà, đất để quản lý, khai thác	Ghi chú
							Nguyên giá	Giá trị còn lại đến 31/12/2025		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
14	Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông (cũ), xã Con Cuông , tỉnh Nghệ An								Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Con Cuông	
14.1	Đất	Khuôn viên	2007		1.255,0		2.510.000.000	2.510.000.000		
14.2	Nhà									
*	Nhà làm việc (02 tầng)	Nhà	1992			353,0	291.135.000			
*	Nhà Lưu trú công vụ (01 tầng)	Nhà	2008			389,0	704.746.000			
*	Nhà xe ô tô	Nhà	2013			70,0	200.000.000	26.600.000		
15	Tòa án nhân dân khu vực 9 (Tòa án nhân dân huyện Con Cuông cũ). Địa chỉ: Khối 5, xã Con Cuông, tỉnh Nghệ An								Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Con Cuông	
15.1	Đất	Khuôn viên	1994		1.044,0		6.264.000.000	6.264.000.000		
15.2	Nhà	Nhà	1994			655,0	4.051.287.000	3.297.437.580		
16	Đội thuế xã Bình Hội thuộc chi cục thuế huyện Nghĩa Đàn (cũ), xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An								Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nghĩa Đàn	
16.1	Đất	Khuôn viên	2003	1	105,0		210.000.000	210.000.000		
16.2	Nhà	Nhà	1995	1		60,3	307.787.000	-		
17	Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành (cũ), xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An								Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Yên Thành	
17.1	Đất trụ sở làm việc	Khuôn viên	1997		1.500,0		2.739.000.000	2.739.000.000		
17.2	Nhà									
*	Nhà làm việc (Nhà 2 tầng)	Nhà	2014			302,0	236.021.000	132.170.000		
*	Nhà lưu trú công vụ (01 tầng)	Nhà	2014			100,0	730.236.000	194.512.000		
*	Nhà bảo vệ	Nhà	2014			11,0	62.269.000	16.582.000		
*	Nhà xe 02 bánh	Nhà	2014			20,0	19.358.000	5.158.000		
18	Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên (cũ), Xóm Chi Nê, xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An								Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Hưng Nguyên	
18.1	Đất	Khuôn viên	1994		1.749,0		3.565.980.000	3.564.980.000		
18.2	Nhà									
*	Nhà làm việc (02 tầng)	Nhà	1994			634,0	3.899.644.000	0		
*	Nhà công vụ	Nhà	1994			80,0				
*	Nhà bảo vệ	Nhà	1994			20,0				
*	Gara xe	Nhà	1994			55,5				
19	Đội thuế Chợ Vinh thuộc Chi cục thuế Thành phố Vinh (cũ), địa chỉ: phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An								Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Trường Vinh	
19.1	Đất	Khuôn viên	2003	1	723,0		19.665.600.000	19.665.600.000		
19.2	Nhà	Nhà	2002	1		406,0	526.920.400	358.305.872		

